TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỘC CHÂU** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **140**/2021/HS-ST
Ngày 14/5/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC CHÂU, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Như Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lò Thị Minh và ông Trần Chinh Chiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Linh - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 132/2021/TLST-HS ngày 09 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 144/2021/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 4 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Xuân T, sinh năm 1977; tại huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội.

Nơi cư trú: Bản T, xã C, huyện M, tỉnh S

Nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa (học vấn): 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân T và bà Lương Thị N; bị cáo có vợ là Trần Thị T; có 03 con; tiền án, tiền sự: Không.

Về nhân thân: Tại bản án số 88 ngày 31/01/2012 của Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La bị cáo bị xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 23 tháng về tội Đánh bạc. (đương nhiên được xóa án tích).

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/02/2021 đến nay, có mặt.

2. Họ và tên: Dương Văn Q, sinh năm: 1999; tại Mộc Châu, Sơn La.

Nơi cư trú: Bản T, xã C, huyện M, tỉnh S

Nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn D và bà Nguyễn Thị M; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không.

Về nhân thân: Ngày 16/5/2018 Công an huyện Mộc Châu xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Đánh bạc, phạt tiền 1.500.000 đồng (Đã được xóa tiền sự).

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/02/2021 đến nay, có mặt.

3. Bùi Xuân H, sinh năm: 1979; tại huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội.

Nơi cư trú: Bản T, xã C, huyện M, tỉnh S

Nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Hồng Q và bà Hoàng Thị L; bị cáo có vợ là Lê Thị N, bị cáo có 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Về nhân thân: Tại bản án số 124 ngày 17/5/2006 của Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La bị cáo bị xử phạt 9 tháng cải tạo không giam giữ về tội Đánh bạc (đương nhiên được xóa án tích)

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/02/2021 đến ngày 21/02/2021 được tại ngoại, có mặt.

4. Nguyễn Thị L, sinh năm: 1989, tại huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La. Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ.

Nơi cư trú: Bản T, xã C, huyện M, tỉnh S

Nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Duy A (Đã chết) và bà Phan Thị S; bị cáo có chồng là Phạm Văn V, bị cáo có 03 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/02/2021 đến ngày 21/02/2021 được tại ngoại, có mặt.

5. Nguyễn Văn Q, sinh năm 1989, tại huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

Nơi cư trú: Bản T, xã C, huyện M, tỉnh S

Nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Ngô Thị B; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/02/2021 đến ngày 21/02/2021 được tại ngoại, có mặt.

6. Nguyễn Văn C, sinh năm 1992, tại huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

Nơi cư trú: Bản T, xã C, huyện M, tỉnh S

Nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn X và bà Trần Thị M; bị cáo có vợ là Hoàng Như Q; bị cáo có 3 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/02/2021 đến ngày 21/02/2021 được tại ngoại, có mặt.

7. Trần Văn V, sinh năm 1993, tại huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

Nơi cư trú: Bản T, xã C, huyện M, tỉnh S

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn B và bà Nguyễn Thị N; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị H; bị cáo có 2 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/02/2021 đến ngày 21/02/2021 được tại ngoại, có mặt.

8. Nguyễn Thị Vĩ, sinh năm 1983, tại huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

Nơi cư trú: Bản T, xã C, huyện M, tỉnh S.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, hiện đang bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 14 ngày 09/4/2021 của UBKT huyện ủy Mộc Châu; con ông Nguyễn Hải L và bà Nguyễn Thị N; bị cáo có chồng là Lê Văn H; bị cáo có 3 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/02/2021 đến ngày 21/02/2021 được tại ngoại, có mặt.

9. Đỗ Thị M, sinh năm: 1972 tại huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội.

Nơi cư trú: Bản T, xã C, huyện M, tỉnh S

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn N và bà Nguyễn Thị V; bị cáo có chồng là Nguyễn Văn T; bị cáo có 2 con; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại bản án số 124 ngày 17/5/2006 của Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu xử phạt bị cáo 06 tháng cải tạo không giam giữ về tội Đánh bạc. (Đã đương nhiên được xóa án tích)

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/02/2021 đến ngày 21/02/2021 được tại ngoại, có mặt.

10. Lương Thị H, sinh năm 1971, tại huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội.

Nơi cư trú: Bản T, xã C, huyện M, tỉnh S

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Đình T và bà Văn Thị T (Đều đã chết); bị cáo có chồng là Nguyễn Văn D; bị cáo có 3 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/02/2021 đến ngày 24/02/2021 được tại ngoại, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các T liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 16h00 phút ngày 13/02/2021, tổ công tác Công an huyện Mộc Châu làm nhiệm vụ tại bản Ta Niết, xã Chiềng Hắc, huyện Mộc Châu phát hiện tại khu vực đất trống trước cửa nhà ở Hoa Đăng T, sinh năm: 1995, trú quán: Bản Ta Niết, xã Chiềng Hắc, huyện Mộc Châu, phát hiện bắt quả tang Nguyễn Xuân T, Nguyễn Thị L, Bùi Văn H, Nguyễn Văn Q, Dương Văn Q, Nguyễn Văn C, Nguyễn Thị V, Trần Văn V cùng một số đối tượng khác đang thực hiện hành vi đánh bạc sát phạt được thua bằng tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam, dưới hình thức xóc đĩa. Một số đối tượng lợi dụng sơ hở bỏ chạy khỏi chiếu bạc. Thu giữ tại chiếu bạc số tiền 20.470.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam, 01 chiếc bát sứ màu trắng; 01 chiếc đĩa bằng sứ màu trắng; 04 quân bài hình tròn; 01 chiếc kéo bằng kim loại; 01 chiếc chiếu nhựa màu xanh. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, niêm phong vật chứng và dẫn giải các đối tượng đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu để điều tra, làm rõ.

Mở rộng điều tra, ngày 19/02/2021, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu đã bắt khẩn cấp đối với Lương Thị H. Ngày 20/02/2021, Đỗ Thị M đến trụ sở cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu đầu thú.

Quá trình điều tra các bị cáo khai nhận: Do sinh sống cùng bản nên quen biết nhau, khoảng 12h30’ ngày 13/02/2021 Nguyễn Xuân T, Nguyễn Thị L, Bùi Văn H, Nguyễn Văn Q, Dương Văn Q, Nguyễn Văn C, Nguyễn Thị V, Trần Văn V cùng nhau đứng nói chuyện trước cửa nhà Hoa Đăng T thì nhìn thấy có 01 chiếc chiếu đã trải sẵn bên trên có 01 chiếc bát, 01 chiếc đĩa đều bằng sứ màu trắng và 04 quân vị hình tròn đường kính khoảng 1,5 cm một mặt màu trắng, một mặt màu xanh. Sau đó mọi người nảy sinh ý định đánh bạc nên cùng rủ nhau đánh bạc dưới hình thức xóc đĩa sát phạt nhau được thua bằng tiền và thống nhất Nguyễn Xuân T là người xóc cái cho mọi người đặt cược và mức sát phạt thấp nhất là 10.000 đồng/ ván, cao tùy ý người chơi. Mọi người ngồi quây tròn trên chiếc chiếu và cùng nhau đánh bạc, Thường là người cầm cái xóc cho mọi người đặt cược.

Đến khoảng 15h cùng ngày có Lương Thị H, Đỗ Thị M và một số đối tượng lạ mặt đi qua đường cùng tham gia đánh bạc. Đến 16h cùng ngày khi mọi người đang thực hiện hành vi đánh bạc trái phép thì tổ công tác Công an huyện Mộc Châu đến kiểm tra, phát hiện, bắt quả tang.

Hình thức đánh bạc như sau: Nguyễn Xuân T người xóc cái ngồi chính giữa của một đầu trên chiếc chiếu những người tham gia đánh bạc còn lại ngồi xung quanh, người xóc cái cho 04 quân bài hình tròn (có một mặt màu xanh và một mặt màu trắng) vào đĩa, đậy bát lại để che đi 04 quân bài. Người xóc cái dùng hai tay kẹp chặt bát và đĩa lại với nhau, rồi nâng lên và xóc nhiều lần, sau đó đặt xuống vị trí ở trước mặt của người cầm cái. Quy định bên tay phải của người cầm cái là cửa chẵn, bên tay trái là cửa lẻ. Lúc này những người tham gia đánh bạc có thể đặt tiền ở cửa chẵn hoặc cửa lẻ tuỳ ý, mức đặt cược thấp nhất là 10.000đồng còn cao hơn thì tùy ý.

Sau khi các đối tượng tham gia đánh bạc đã đặt tiền của mình vào các cửa chẵn hoặc lẻ thì bất kỳ đối tượng nào tham gia đánh bạc đều có thể mở bát để lộ 04 quân bài hình tròn ở trong đĩa. Nếu 04 quân bài đều là màu xanh hoặc màu trắng hay

02 quân bài màu trắng và 02 quân bài màu xanh thì ván bạc đó là chẵn. Những người tham gia đánh bạc đặt tiền ở cửa chẵn là người thắng bạc và được nhận số tiền tương ứng với số tiền họ bỏ ra để đặt cược. Những người đặt cược ở cửa lẻ là người thua và mất hết số tiền đã đặt cược ván bạc đó. Ngược lại nếu trong số 04 quân bài có 03 quân bài màu trắng và 01 quân bài màu xanh hoặc 03 quân bài màu xanh và 01 quân bài màu trắng thì ván bạc đó là lẻ. Những người tham gia đánh bạc đặt tiền ở cửa lẻ là người thắng bạc và được nhận số tiền tương ứng với số tiền họ bỏ ra để đặt cược. Những người đặt cược ở cửa chẵn là người thua và mất hết số tiền đã đặt cược ván bạc đó. Ván bạc kết thúc, ván bạc mới được bắt đầu khi người xóc cái lại tiếp tục cho 04 quân bài vào đĩa, đậy bát lại và tiếp tục cầm lên xóc nhiều lần rồi đặt xuống để những người tham gia đánh bạc tiếp tục đặt cược. Các ván bạc tiếp theo được thực hiện với hình thức tương tự.

Số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc như sau: Nguyễn Xuân T có 2.000.000 đồng, Dương Văn Q có 230.000 đồng, Bùi Xuân H có 500.000 đồng, Nguyễn Thị L có 6.000.000 đồng, Nguyễn Văn Q có 1.600.000 đồng, Nguyễn Văn C có 1.100.000 đồng, Trần Văn V có 300.000 đồng, Nguyễn Thị Vĩ có 2.000.000 đồng, Đỗ Thị M có 300.000 đồng, Lương Thị H có 300.000 đồng đã bị thua 200.000đ, còn lại 100.000 đồng Hoa cầm theo khi bỏ chạy. Ngày 19/02/2021 bị bắt giữ.

Đối với Hoa Đăng T làm nghề lái xe du lịch, ngày 13/02/2021 T đi lái xe chở khách không biết và không tham gia vào hành vi đánh bạc, việc trước cửa nhà T có chiếc chiếu trải sẵn, trên chiếu có bát, đĩa, quân vị T không biết của ai vì trước khi ra khỏi nhà T không nhìn thấy.

Đối với số tiền thu giữ trên chiếu bạc là 20.470.000 đồng, trong đó số tiền của các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 14.320.000 đồng, 100.000 đồng Lương Thị H đã cầm theo khi bỏ chạy đã chi tiêu cá nhân Cơ quan cảnh sát điều tra chưa tiến hành thu giữ, còn lại số tiền 6.140.000 đồng thu giữ tại chiếu bạc của các đối tượng đã bỏ chạy, do các bị cáo không biết tên, địa chỉ nên Cơ quan cảnh sát điều tra không có căn cứ để điều tra, làm rõ, xử lý.

Bản cáo trạng số 73/CT-VKS ngày 09/4/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu truy tố các bị cáo Nguyễn Xuân T, Dương Văn Q, Bùi Xuân H, Nguyễn Thị L, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn C, Trần Văn V, Nguyễn Thị Vĩ, Đỗ Thị M, Lương Thị H về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu giữ nguyên cáo trạng truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Xuân T, Dương Văn Q, Bùi Xuân H, Nguyễn Thị L, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn C, Trần Văn V, Nguyễn Thị Vĩ, Đỗ Thị M, Lương Thị H về tội "Đánh bạc" và áp dụng các căn cứ pháp luật để xử phạt từng bị cáo như sau.

1. Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; điểm s, t khoản 1 Điều 51; Điều 58; khoản 3 Điều 35 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân T từ 06 tháng đến 09 tháng tù. Phạt bổ sung (phạt tiền với bị cáo) từ 5.000.000đ đến 7.000.000đ.

2. Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s, t khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 35 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Dương Văn Q từ 06 tháng đến 09 tháng tù. Phạt bổ sung (phạt tiền với bị cáo) từ 5.000.000đ đến 7.000.000đ.

3. Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s, t khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65; khoản 3 Điều 35 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Bùi Xuân H từ 06 tháng đến 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng. Phạt bổ sung (phạt tiền với bị cáo) từ 5.000.000đ đến 7.000.000đ.

4. Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s, t khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65; khoản 3 Điều 35 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L từ 06 tháng đến 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng. Phạt bổ sung (phạt tiền với bị cáo) từ 5.000.000đ đến 7.000.000đ.

5. Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s, t khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65; khoản 3 Điều 35 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q từ 06 tháng đến 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng. Phạt bổ sung (phạt tiền với bị cáo) từ 5.000.000đ đến 7.000.000đ.

6. Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s, t khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65; khoản 3 Điều 35 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C từ 06 tháng đến 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng. Phạt bổ sung (phạt tiền với bị cáo) từ 5.000.000đ đến 7.000.000đ.

7. Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s, t khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65; khoản 3 Điều 35 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Văn V từ 06 tháng đến 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng. Phạt bổ sung (phạt tiền với bị cáo) từ 5.000.000đ đến 7.000.000đ.

8. Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s, t khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65; khoản 3 Điều 35 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Th Vỹ từ 06 tháng đến 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng. Phạt bổ sung (phạt tiền với bị cáo) từ 5.000.000đ đến 7.000.000đ.

9. Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; điểm s, t khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65; khoản 3 Điều 35 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đỗ Thị M từ 06 tháng đến 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng. Phạt bổ sung (phạt tiền với bị cáo) từ 5.000.000đ đến 7.000.000đ.

10. Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; điểm s, t khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65; khoản 3 Điều 35 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lương Thị H từ 06 tháng đến 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng. Phạt bổ sung (phạt tiền với bị cáo) từ 5.000.000đ đến 7.000.000đ.

12. Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1, 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự về vật chứng của vụ án đề nghị:

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 20.470.000 đồng.

Truy thu 100.000 đ (Một trăm nghìn) đồng của bị cáo Lương Thị H để nộp Ngân sách Nhà nước

Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì bên ngoài ghi 01 chiếc bát sứ màu trắng, 01 chiếc đĩa sứ màu trắng hoa văn màu đỏ thu giữ ngày 13/02/2021 tại bản Ta Niết, xã Chiềng Hắc, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La bên trong đựng 01 chiếc bát sứ màu trắng, 01 chiếc đĩa sứ màu trắng hoa văn màu đỏ; 04 quân vị hình tròn ; 01 chiếc kéo bằng kim loại có cán nhựa màu đỏ. 01 chiếc chiếu nhựa màu xanh, kích thước 3,8 x 2m đã qua sử dụng cũ. Và 01 vỏ phong bì đựng tiền bên ngoài ghi vật chứng vụ Nguyễn Xuân T cùng đồng bọn niêm phong hồi 17^h 15 phút ngày 22/02/2021 tại phòng PC 09 Công an tỉnh Sơn La gồm có tiền VNĐ là 20.470.000đ (Hai mươi triệu, bốn trăm bảy mươi nghìn đồng). Không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

13. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Sau khi đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm xử lý các vấn đề của vụ án, các bị cáo có ý kiến như sau.

Các bị cáo nhất trí nội dung cáo trạng đã truy tố cũng như nội dung bản luận tội, các bị cáo không có tranh luận gì và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các T liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Các bị cáo không có ý kiến, khiếu nại về hành vi của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi và trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

Ngày 13/02/2021; các bị cáo Nguyễn Xuân T, Dương Văn Q, Bùi Xuân H, Nguyễn Thị L, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn C, Trần Văn V, Nguyễn Thị Vĩ, Đỗ Thị M, Lương Thị H đã có hành vi đánh bạc trái phép dưới hình thức đánh xóc đĩa sát phạt nhau được thua bằng tiền với tổng số tiền đánh bạc là 20.470.000 đồng, nhằm thu lời bất chính thì bị Công an huyện Mộc Châu phát hiện bắt quả tang.

Tại phiên tòa, các bị cáo giữ nguyên lời khai như đã khai tại cơ quan điều tra, không thay đổi, bổ sung thêm nội dung gì. Các bị cáo hoàn toàn nhất trí với bản cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu. Xét lời khai của các bị cáo là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, người làm chứng, phù hợp với vật chứng đã thu giữ và các T liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Do vậy có đủ cơ sở kết luận ngày 13/02/2021 các bị cáo Nguyễn Xuân T, Dương Văn Q, Bùi Xuân H, Nguyễn Thị L, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn C, Trần

Văn V, Nguyễn Thị Vĩ, Đỗ Thị M, Lương Thị H đã có hành vi đánh bạc trái phép dưới hình thức đánh xóc đĩa, sát phạt nhau thua thắng bằng tiền với số tiền thu giữ tại chiếu bạc là 20.470.000 đồng thì bị bắt quả tang.

Số tiền đánh bạc bị thu giữ đã đủ yếu tố cấu thành tội Đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự quy định phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm. Ngoài ra theo khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000đ đến 50.000.000đ.

Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính Nhà nước, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Do đó, cần phải xử lý để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Các bị cáo phạm tội có tính chất đồng phạm quy định tại Điều 58 Bộ luật hình sự. Phân hóa vai trò phạm tội của các bị cáo trong vụ án thấy rằng.

Nguyễn Xuân T là người trực tiếp cầm cái, xóc đĩa cho các bị cáo khác tham gia đánh bạc, nên bị cáo giữ vai trò chính. Các bị cáo còn lại tham gia với vai trò đồng phạm, do đó cần xem xét hình phạt, vai trò đồng phạm trong vụ án của từng bị cáo.

Đánh giá về nhân thân của từng bị cáo trong vụ án thấy rằng.

Đối với bị cáo Nguyễn Xuân T; tại bản án số 88 ngày 31/01/2012 của Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La bị cáo bị xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 23 tháng về tội Đánh bạc; số tiền phạm tội bị quy kết là 8.000.000đ (Tám triệu đồng). (Đương nhiên được xóa án tích).

Đối với các bị cáo Đỗ Thị M; Bùi Xuân H; tại bản án số 124 ngày 17/5/2006 của Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, số tiền các bị cáo phạm tội bị quy kết là 1.461.000đ (Một triệu, bốn trăm sáu mươi mốt nghìn đồng) xử phạt như sau.

Xử phạt bị cáo bị Đỗ Thị M 06 tháng cải tạo không giam giữ về tội Đánh bạc; xử phạt bị cáo Bùi Xuân H 09 tháng cải tạo không giam giữ về tội Đánh bạc.

Căn cứ Nghị quyết số 01/2016 ngày 30/6/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định tại khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13.

Điều 3. Về việc không xử lý hình sự đối với người thực hiện hành vi mà Bộ luật hình sự số 15/1999/QH10 (được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 37/2009/QH12) quy định là tội phạm nhưng Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 không quy định là tội phạm cụ thể.

1. Kể từ ngày 09 tháng 12 năm 2015, không xử lý hình sự đối với các trường hợp quy định tại Điểm d, Điểm đ Khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 109/2015/QH13 và những trường hợp sau đây:

a) Người thực hiện hành vi mà theo quy định của Bộ luật hình sự số 15/1999/QH10 (được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 37/2009/QH12) là tội phạm

nhưng theo quy định của Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 thì hành vi đó chưa cấu thành tội phạm do có bổ sung, thay đổi các yếu tố cấu thành tội phạm đó.

Một người chưa bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc hoặc hành vi tổ chức đánh bạc, chưa bị kết án về tội đánh bạc hoặc tội tổ chức đánh bạc hoặc đã bị kết án về tội đánh bạc hoặc tội tổ chức đánh bạc nhưng đã được xóa án tích mà có hành vi đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá dưới 5.000.000 đồng thì không phải chịu trách nhiệm hình sự về tội đánh bạc.

Như vậy bị cáo Mận và bị cáo Hậu ngày 17/5/2006 đã bị Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La xử phạt về tội đánh bạc thời điểm các bị cáo thực hiện tội phạm thì số tiền các bị cáo tham gia đánh bạc là là 1.461.000đ (Một triệu, bốn trăm sáu mươi mốt nghìn đồng) theo Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999 là có tội nhưng căn cứ theo khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 thì các bị cáo không phạm tội.

Khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự quy định. Điều luật xóa bỏ một tội phạm, một hình phạt, một tình tiết tăng nặng, quy định một hình phạt nhẹ hơn, một tình tiết giảm nhẹ mới hoặc mở rộng phạm vi áp dụng án treo, miễn trách nhiệm hình sự, loại trừ trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt, giảm hình phạt, tha tù trước thời hạn có điều kiện, xóa án tích và quy định khác có lợi cho người phạm tội, thì được áp dụng đối với hành vi phạm tội đã thực hiện trước khi điều luật đó có hiệu lực thi hành.

Căn cứ Nghị quyết số 01 ngày 30/6/2016 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC hướng dẫn tại Điều 3 của Nghị quyết hướng dẫn thì bị cáo Mận và bị cáo Hậu không phạm tội, việc các bị cáo được pháp luật công nhận không phạm tội là do chính sách hình sự mới nhân đạo của Nhà nước, nên các bị cáo không có quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại theo quy định của Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước. Chính vì vậy xác định các bị cáo phạm tội lần đầu nên không đánh giá về nhân thân.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo Dương Văn Q, Bùi Xuân H, Nguyễn Thị L, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn C, Trần Văn V, Nguyễn Thị Vĩ, Đỗ Thị M, Lương Thị H phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo Nguyễn Xuân T, Dương Văn Q, Bùi Xuân H, Nguyễn Thị L, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn C, Trần Văn V trong quá trình điều tra đã tích cực giúp đỡ cơ quan điều tra phát hiện tội phạm, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Nguyễn Thị Vĩ, Đỗ Thị M, sau khi bỏ trốn đã tự giác ra đầu thú, bị cáo Mận và Vỹ có bố, mẹ là người có công với cách mạng, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

Đối với các bị cáo Bùi Xuân H, Nguyễn Thị L, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn C, Trần Văn V, Nguyễn Thị Vĩ, Đỗ Thị M, Lương Thị H, xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng. Các bị cáo được gia đình và chính quyền địa phương có đơn xin bảo lãnh cho các bị cáo được cải tạo giáo dục tại địa phương, là tình tiết giảm nhẹ theo khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, do đó không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra ngoài đời sống xã hội mà cần áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự giao các bị cáo về cho gia đình và chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục các bị cáo cũng có thể trở thành người có ích cho gia đình và xã hội về sau.

Đối với các bị cáo Nguyễn Xuân T thấy rằng. Tại bản án số 88 ngày 31/01/2012 của Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La bị cáo đã bị xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 23 tháng về tội Đánh bạc (Đã được xóa án tích).

Đối với bị cáo Dương Văn Q, ngày 16/5/2018 bị Công an huyện Mộc Châu xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Đánh bạc, phạt tiền 1.500.000 đồng (Đã được xóa tiền sự).

Tại phiên tòa các bị cáo đều đưa ra căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử cho hai bị cáo tự cải tạo tại địa phương đó là tiền án, tiền sự của các bị cáo đã được xóa án tích, có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, tuy nhiên căn cứ vào Điều 2 mục 2 Nghị quyết số 02 ngày 15/5/2018 hướng dẫn thì người phạm tội phải có nhân thân tốt đó là phải chưa phạm tội lần nào, người phạm tội luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú, nơi làm việc.

Đối với bị cáo Thường đã từng phạm tội Đánh bạc và bị xét xử, bị cáo Quý đã xử phạt hành chính về tội Đánh bạc, các bị cáo đều nhận thức được việc làm của các bị cáo là vi phạm pháp luật, nhưng do có lỗi sống buông thả, coi thường pháp luật, mặc dù hai bị cáo đã từng bị xử lý, nhưng các bị cáo chưa thực sự hối cải sửa chữa lỗi lầm, chưa thực sự chấp hành đúng chính sách, pháp luật. Do đó cần phải cách ly các bị cáo ra ngoài đời sống xã hội một thời gian là cần thiết, có như vậy mới có tác dụng giáo dục các bị cáo và mang tính răn đe phòng ngừa chung.

[4] Về hình phạt bổ sung - phạt tiền: Quá trình điều tra và thẩm vấn công khai tại phiên tòa thấy rằng các bị cáo đều có một mục đích chung là vụ lợi, nên cần phải phạt các bị cáo một khoản tiền là phù hợp. Tuy nhiên cần xem xét đến khả năng, điều kiện kinh tế của từng bị cáo để áp dụng và để cho các bị cáo có khả năng thi hành, do đó cần áp dụng khoản 3 Điều 35 Bộ luật hình sự áp dụng với các bị cáo.

[5] Đối với Hoa Đăng T làm nghề lái xe du lịch, ngày 13/02/2021 T đi lái xe chở khách không biết và không tham gia vào hành vi đánh bạc, việc trước cửa nhà T có chiếc chiếu trải sẵn, trên chiếu có bát, đĩa, quân vị T không biết của ai vì trước khi ra khỏi nhà T không nhìn thấy, nên không đề cập việc xử lý là có căn cứ cần chấp nhận.

Đối với số tiền thu giữ trên chiếu bạc là 20.470.000 đồng, trong đó số tiền của các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 14.320.000 đồng, 100.000 đồng Lương Thị H đã cầm theo khi bỏ chạy đã chi tiêu cá nhân Cơ quan cảnh sát điều tra chưa tiến hành thu giữ, còn lại số tiền 6.140.000 đồng thu giữ tại chiếu bạc của các đối tượng đã bỏ chạy, do các bị cáo không biết tên, địa chỉ nên Cơ quan cảnh sát điều tra không có căn cứ để điều tra, làm rõ, xử lý nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự với số tiền nêu trên.

[6] Về vật chứng của vụ án:

Đối với 01 phong bì bên ngoài ghi 01 chiếc bát sứ màu trắng, 01 chiếc đĩa sứ màu trắng hoa văn màu đỏ thu giữ ngày 13/02/2021 tại bản Ta Niết, xã Chiềng Hắc, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La bên trong đựng 01 chiếc bát sứ màu trắng, 01 chiếc đĩa sứ màu trắng hoa văn màu đỏ ; 04 quân vị hình tròn ; 01 chiếc kéo bằng kim loại có cán nhựa màu đỏ. 01 chiếc chiếu nhựa màu xanh, kích thước 3,8 x 2m đã qua sử dụng cũ. Không còn giá trị dụng cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 phong bì niêm phong bên ngoài ghi vật chứng vụ Nguyễn Xuân T cùng đồng bọn niêm phong hồi 17^h 15 phút ngày 22/02/2021 tại phòng PC 09 Công an tỉnh Sơn La gồm có tiền VNĐ là 20.470.000đ (Hai mươi triệu, bốn trăm bảy mươi nghìn đồng). Xác định là tiền do các bị cáo phạm tội mà có cần tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước số tiền trên, tịch thu tiêu hủy vỏ niêm phong.

Đối với 100.000 đồng bị cáo Lương Thị H đã cầm theo khi bỏ chạy đã chi tiêu cá nhân Cơ quan cảnh sát điều tra chưa tiến hành thu giữ, cần truy thu với bị cáo để nộp Ngân sách Nhà nước.

[7] Thời hạn tạm giam của bị cáo Nguyễn Xuân T và Dương Văn Q còn dưới 45 ngày, nên Hội đồng xét xử ra quyết định tạm giam với hai bị cáo để đảm bảo cho việc thi hành án.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Xuân T, Dương Văn Q, Bùi Xuân H, Nguyễn Thị L, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn C, Trần Văn V, Nguyễn Thị V, Đỗ Thị M, Lương Thị H phạm tội "Đánh bạc".

1. Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; điểm s, t khoản 1 Điều 51; Điều 58; khoản 1 Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân T 07 (Bảy) tháng tù.

Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày 13/02/2021

Phạt bổ sung (phạt tiền với bị cáo) 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

2. Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s, t khoản 1 Điều 51; Điều 58; khoản 3 Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Dương Văn Q 06 (Sáu) tháng tù.

Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày 13/02/2021

Phạt bổ sung (phạt tiền với bị cáo) 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

3. Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s, t khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58; khoản 3 Điều 35; khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Bùi Xuân H 06 (Sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng.

Phạt bổ sung (phạt tiền với bị cáo) 5.000.000đ (Năm triệu) đồng.

Thời hạn tù và thời gian thử thách, tính từ ngày tuyên án.

4. Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s, t khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58; khoản 3 Điều 35; khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L 06 (Sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng.

Phạt bổ sung (phạt tiền với bị cáo) 5.000.000đ (Năm triệu) đồng.

Thời hạn tù và thời gian thử thách, tính từ ngày tuyên án.

5. Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s, t khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58; khoản 3 Điều 35; khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q 06 (Sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng.

Phạt bổ sung (phạt tiền với bị cáo) 5.000.000đ (Năm triệu) đồng.

Thời hạn tù và thời gian thử thách, tính từ ngày tuyên án.

6. Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s, t khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58; khoản 3 Điều 35; khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C 06 (Sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng.

Phạt bổ sung (phạt tiền với bị cáo) 5.000.000đ (Năm triệu) đồng.

Thời hạn tù và thời gian thử thách, tính từ ngày tuyên án.

7. Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s, t khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58; khoản 3 Điều 35; khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Văn V 06 (Sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng.

Phạt bổ sung (phạt tiền với bị cáo) 5.000.000đ (Năm triệu) đồng.

Thời hạn tù và thời gian thử thách, tính từ ngày tuyên án.

8. Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s, t khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58; khoản 3 Điều 35; khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị V 06 (Sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng.

Phạt bổ sung (phạt tiền với bị cáo) 5.000.000đ (Năm triệu) đồng.

Thời hạn tù và thời gian thử thách, tính từ ngày tuyên án.

9. Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; điểm s, t khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58; khoản 3 Điều 35; khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Đỗ Thị M 06 (Sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng.

Phạt bổ sung (phạt tiền với bị cáo) 5.000.000đ (Năm triệu) đồng.

Thời hạn tù và thời gian thử thách, tính từ ngày tuyên án.

10. Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; điểm s, t khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58; khoản 3 Điều 35; khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lương Thị H 06 (Sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng.

Phạt bổ sung (phạt tiền với bị cáo) 5.000.000đ (Năm triệu) đồng.

Thời hạn tù và thời gian thử thách, tính từ ngày tuyên án.

12. Giao các bị cáo Bùi Xuân H, Nguyễn Thị L, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn C, Trần Văn V, Nguyễn Thị Vĩ, Đỗ Thị M, Lương Thị H cho Ủy ban nhân dân xã Chiềng Hắc, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp cùng với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người đó. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

13. Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1, 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự về vật chứng của vụ án:

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 20.470.000đ (Hai mươi triệu, bốn trăm bảy mươi nghìn đồng).

Truy thu 100.000đ (Một trăm nghìn) đồng của bị cáo Lương Thị H để nộp ngân sách Nhà nước.

Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì bên ngoài ghi 01 chiếc bát sứ màu trắng, 01 chiếc đĩa sứ màu trắng hoa văn màu đỏ thu giữ ngày 13/02/2021 tại bản Ta Niết, xã Chiềng Hắc, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La bên trong đựng 01 chiếc bát sứ màu trắng, 01 chiếc đĩa sứ màu trắng hoa văn màu đỏ; 04 quân vị hình tròn ; 01 chiếc

kéo bằng kim loại có cán nhựa màu đỏ. 01 chiếc chiếu nhựa màu xanh, kích thước 3,8 x 2m đã qua sử dụng cũ. Không còn giá trị dụng cần tịch thu tiêu hủy.

Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong bên ngoài ghi vật chứng vụ Nguyễn Xuân T cùng đồng bọn niêm phong hồi 17^h 15 phút ngày 22/02/2021 tại phòng PC 09 Công an tỉnh Sơn La.

14. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm mỗi bị cáo là 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng chẵn)*.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Sơn La;
- Viện KSND huyện Mộc Châu;
- Công an huyện Mộc Châu;
- Chi cục THADS huyện Mộc Châu;
- THA HS;
- Trại giam.
- UBKT huyện ủy Mộc Châu;
- Sở tư pháp tỉnh Sơn La (khi án có hiệu lực);
- UBND xã Chiềng Hắc, huyện Mộc Châu;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đỗ Như Khánh